

Số: 03/2022/QĐST-VDS

Nghĩa Lộ, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Quốc Hưng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên họp:
Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-VDS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2022/QĐST-VDS ngày 10 tháng 3 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Tạ Thị Thanh H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản L, xã Th, thị xã N, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của anh Chu Phan L). Địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Chị Tạ Thị Thanh H yêu cầu tuyên bố anh Chu Phan L, sinh ngày 16/6/1982, mất tích. Nơi đăng ký HKTT và cư trú cuối cùng: Bản L, xã Th, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích và bản tự khai chị Tạ Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Chu Phan L, sinh năm 1982, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2006 tại UBND xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái và đã có với nhau 02 con chung là Chu Phan A sinh ngày 16/10/2007 và Chu Phương V sinh ngày 17/9/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu

thuần gì, nhưng đến năm 2014 anh L có lâm vào tệ nạn lô đề cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, đến ngày 11/5/2015 anh L đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì, không liên lạc gì về cho vợ con cũng như bố mẹ đẻ của anh L, dù chị H và bố mẹ đẻ của anh L cũng đăng tin tìm kiếm anh L trên các trang mạng xã hội zalo, facebook nhưng vẫn không có tin tức gì về anh L, không biết anh L đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L mất tích để chị giải quyết việc ly hôn và ổn định cuộc sống.

Ngày 19/3/2022, chị Tạ Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt tại phiên họp và vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L mất tích, không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý về tài sản của người bị tuyên bố mất tích.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký và người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị Thanh H tuyên bố anh Chu Phan L mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, ý kiến của các đương sự có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị Thanh H có quan hệ hôn nhân với anh Chu Phan L, anh L bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2015 đến nay không có tin tức gì, chị H là người có quyền lợi liên quan làm đơn yêu cầu tuyên bố anh L mất tích. Đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi bỏ đi biệt tích anh L có hộ khẩu thường trú cùng với chị H và các con tại bản L, xã Th, thị xã N, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết việc dân sự thuộc Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

[2]. Về yêu cầu của chị Tạ Thị Thanh H đề nghị tuyên bố anh Chu Phan L mất tích.

Chị H và anh L đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2006 tại UBND xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng đến năm 2014, theo chị H, anh L đã tham gia chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, ngày 11/5/2015 anh L đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức, không liên lạc gì về cho vợ con cũng như bố mẹ đẻ của anh L, dù chị H và bố mẹ đẻ của anh L cũng đăng tin tìm kiếm anh L trên các trang mạng xã hội zalo, facebook nhưng vẫn không có tin tức gì về anh L, không biết anh L đi đâu, làm gì.

Chính quyền địa phương cũng xác nhận việc anh L vắng mặt tại địa phương từ năm 2015 đến nay không liên lạc được.

Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh Chu Phan L theo quy định của pháp luật và phát trên sóng phát thanh Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 vào khung giờ từ 22h00 đến 23h00 ngày 14/11/2021; phát lại vào khung giờ từ 22h00 đến 23h00 ngày 15/11/2021; phát lại tiếp vào khung giờ từ 22h00 đến 23h00 ngày 16/11/2021; đăng trên Báo Công lý số 91 ngày 12/11/2021; số 92 ngày 17/11/2021 và số 93 ngày 19/11/2021. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (ngày 12/11/2021). Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh L còn sống hay đã chết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đối với bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của anh Chu Phan L) - là người có quyền lợi liên quan, bà M khai: Anh L và Chị H kết hôn năm 2006 và chung sống tại Bản L, xã Th, thị xã N. Năm 2015 không hiểu lý do gì L đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức, L không liên lạc gì cho gia đình, gia đình cũng tìm kiếm L nhiều lần nhưng đến nay không có tin tức gì là L còn sống hay đã chết. Bà M đồng ý với yêu cầu tuyên bố anh L mất tích của chị H và xin vắng mặt tại phiên họp.

Như vậy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H, yêu cầu tuyên bố anh Chu Phan L mất tích theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật dân sự và Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị H không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý về tài sản của người bị tuyên bố mất tích nên không phải xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị H, bà M có quyền kháng cáo quyết định theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 35, 39, 149, 367, 371, 372, 389 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị Thanh H: Tuyên bố anh Chu Phan L, sinh năm 1982, nơi cư trú cuối cùng: Bản Lý, xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ, mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Tạ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001014 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ có quyền kháng nghị quyết định trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Th;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Quốc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào);

nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”